

Bản án số:31/2019/DS-ST

Ngày 12-11-2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẮC G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị O

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Th

Ông Trần Anh D

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị D - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị B - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2019/TLST- DS ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện T, tỉnh B;

Do bà Phạm Thị Ng - Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Chi nhánh NHNN&PTNT huyện T đại diện theo giấy ủy quyền ngày 16/4/2019 (có mặt)

**** Bị đơn:*** Anh Thân Văn Th, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Ph, xã Ng, huyện T, tỉnh B.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1940 (vắng mặt)

- Chị Dương Thị H, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt)

Đều cư trú: thôn Ph, xã Ng, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, bà Phạm Thị Ng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/7/2017 anh Thân Văn Th có làm hồ sơ vay vốn tại Agribank Chi nhánh huyện T, tỉnh B số tiền 300.000.000 đồng và đã ký hợp đồng tín dụng số: 2500LAV201702442 với Agribank Chi nhánh huyện T, tỉnh Bắc G.

Thực hiện hợp đồng Agribank Chi nhánh huyện T, tỉnh B đã giải ngân cho anh Th vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn là 150 % mức lãi suất cho vay trong hạn, thời hạn vay là 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 14/01/2018, mục đích vay tiền để chăn nuôi. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ anh Thân Văn Th, chị Dương Thị H và bà Nguyễn Thị H đã thế chấp tài sản cho Agribank Chi nhánh huyện T, tỉnh B là quyền sử dụng đất diện tích 700m² tại thửa số 27, tờ bản đồ số 63, địa chỉ thửa đất tại thôn Ph, xã Ng, huyện T, tỉnh B đã được sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI251858 ngày 06/7/2017. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 13072017-NC/HĐTC ngày 14/7/2017 đã được công chứng, chứng thực tại UBND xã Ng và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh B.

Căn cứ theo hợp đồng tín dụng, ngày 14/01/2018 anh Th phải trả gốc và lãi cho ngân hàng. Tuy nhiên sau khi đến hạn trả, ngân hàng đã nhiều lần đơn đốc trả nợ nhưng anh Th chưa trả gốc và lãi. Đến nay ngân hàng yêu cầu anh Th, chị H phải trả số tiền gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi cụ thể như sau:

+ Lãi trong hạn từ ngày 19/7/2017 đến hết ngày 14/01/2018 là 9,5% /năm x 179 ngày x 300.000.000 đồng = 14.170.833 đồng;

+ Lãi quá hạn từ ngày 15/01/2018 đến hết ngày 12/11/2019 là 9,5%/năm x 150% x 666 ngày x 300.000.000 đồng = 79.087.500 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 93.258.333 đồng tiền lãi. Anh Th đã trả được số tiền 7.730.137 đồng tiền lãi, được trừ vào lãi trong hạn còn lại 85.528.196 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 13/11/2019 cho đến khi trả hết nợ. Trong trường hợp anh Thân Văn Th, chị Dương Thị H không trả nợ, yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI251858 do sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 06/7/2017 cho anh Thân Văn Th đã thế chấp cho ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số: 13072017-NC/HĐTC ngày 14/7/2017 để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai ngày 27/8/2019 và biên bản ghi lời khai bị đơn anh Thân Văn Th trình bày:

Ngày 18/7/2017 anh có ký hợp đồng tín dụng số 2500LAV201702442 để vay vốn ngân hàng với số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất lãi suất cho vay trong hạn là 9,5%/ năm, lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay tiền để chăn nuôi làm kinh tế gia đình. Từ khi vay đến nay anh chưa trả được tiền gốc còn lãi suất anh trả được mấy lần nhưng không nhớ là bao nhiêu. Đến nay ngân hàng yêu cầu anh trả số tiền gốc và lãi

suất, anh đồng ý trả số tiền gốc và lãi suất theo yêu cầu của ngân hàng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên anh đề nghị được trả dần.

Trường hợp không trả được số tiền gốc và lãi cho ngân hàng, anh đồng ý xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích 700m² đất đã thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Kể từ khi thế chấp diện tích đất nêu trên thì không phát sinh thêm tài sản gì trên đất. Tại phiên tòa anh Th vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 18/4/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị H trình bày:

Năm 2017, chị có lên ngân hàng ký giấy tờ hợp đồng tín dụng đảo số để trả số tiền 100.000.000 đồng vay trước đó. Sau này chị mới biết anh Thân Văn Th là chồng chị đã ký hợp đồng tín dụng để vay ngân hàng số tiền 300.000.000 đồng. Nay ngân hàng yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền 300.000.000 đồng và lãi suất chị đồng ý trả nhưng do kinh tế gia đình không có khả năng trả nên chị đồng ý xử lý tài sản thế chấp để thanh toán trả nợ cho ngân hàng. Chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết cũng như xét xử vụ án. Tại phiên tòa chị H vắng mặt.

Tại bản biên bản ghi lời khai ngày 29/5/2019 và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Năm 2017 con trai bà là anh Thân Văn Th có làm hồ sơ vay vốn ngân hàng số tiền 300.000.000 đồng, khi vay anh Th không nói gì với bà. Anh Th dùng số tiền để làm gì bà không biết. Thời gian anh Th vay tiền ngân hàng bà vẫn ở chung cùng vợ chồng anh Th nên anh Th có bảo bà đến ngân hàng để ký hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 700m² tại thửa số 27, tờ bản đồ số 63, địa chỉ thửa đất tại thôn Ph, xã Ng, huyện T, tỉnh B mang tên anh Th đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/7/2017 để đảm bảo khoản vay 300.000.000 đồng. Đối với khoản nợ do bà không ký vào hợp đồng tín dụng và không được sử dụng khoản vay trên nên bà không đồng ý trả cho ngân hàng số tiền gốc và lãi suất theo yêu cầu của ngân hàng. Đối với tài sản thế chấp bà đã bàn giao lại cho anh Th, chị H quản lý, sử dụng nên do anh Th, chị H quyết định. Trường hợp anh Th, chị H không trả được số tiền nợ gốc và lãi cho ngân hàng, bà đồng ý xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất mang tên anh Th và tài sản gắn liền trên đất để trả nợ cho ngân hàng. Các tài sản trên diện tích đất thế chấp cho ngân hàng từ trước khi thế chấp cho đến nay vẫn nguyên, bà và vợ chồng anh Th không sửa chữa hay xây dựng gì thêm. Tại phiên tòa bà H vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: ngày 18/7/2017 Ngân hàng và anh Thân Văn Th có ký hợp đồng tín dụng, ngày 19/7/2017 ngân hàng đã giải ngân cho anh Th vay 300.000.000 đồng, hạn trả ngày 14/01/2018 nhưng anh Th không trả được nợ như cam kết. Ngày 14/3/2019, Ngân hàng nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Th phải trả số tiền nợ là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự;

[2] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện T, tỉnh B khởi kiện yêu cầu trả số tiền đã cho vay để chăn nuôi làm kinh tế gia đình đối với anh Thân Văn Th có nơi cư trú tại thôn Ph, xã Ng, huyện T. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa, anh Th, chị H, bà H vắng mặt nhưng anh Th, bà H đã được triệu tập lần thứ hai. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những đương sự này là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo lời khai của các bên đương sự đều phù hợp với nội dung hợp đồng tín dụng số: 2500LAV201702442 ngày 18/7/2017 giữa anh Thân Văn Th và ngân hàng thể hiện anh Th vay của ngân hàng số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong hạn là 9,5%/ năm, lãi suất quá hạn là 150 % mức lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay tiền để chăn nuôi làm kinh tế gia đình. Thực hiện hợp đồng tín dụng, ngày 19/7/2019 ngân hàng đã giải ngân cho anh Th vay số tiền 300.000.000 đồng. Tuy nhiên đến hạn trả nợ, anh Th không trả được khoản tiền gốc là vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng nên toàn bộ số tiền nợ gốc của khoản vay đã bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 15/01/2018 với lãi suất quá hạn theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng anh Th đã ký với ngân hàng. Tính đến ngày 12/11/2019 anh Th còn nợ ngân hàng số tiền gốc là

300.000.000 đồng và tiền lãi là 85.528.196 đồng Tổng cộng là 385.528.196 đồng.

Anh Th thừa nhận có vay số tiền 300.000.000 đồng của ngân hàng và có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng nhưng do chăn nuôi gặp khó khăn nên không có tiền trả, anh Th đề nghị ngân hàng cho anh trả dần số tiền trên nhưng ngân hàng không đồng ý để anh Th trả dần số tiền gốc và lãi suất. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện T, tỉnh Bắc G yêu cầu anh Th và vợ là chị Dương Thị H phải trả cho ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi 385.528.196 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 13/11/2019 cho đến khi trả hết nợ. Hội đồng xét xử thấy: Trong hợp đồng tín dụng giữa anh Th và ngân hàng chỉ có chữ ký của anh Th là bên vay tiền nhưng anh Th vay tiền mục đích để chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình. Chị H cũng đã ký vào đơn yêu cầu đăng ký thế chấp và hợp đồng thế chấp, chị H đồng ý trả số tiền anh Th đã vay. Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ nên cần buộc anh Th, chị H phải trả ngân hàng số tiền trên và tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo khoản vay của anh Th, ngày 14/7/2017, anh Th, chị H, bà H đã ký hợp đồng thế chấp số: 13072017-NC/HĐTC, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 700m² tại thửa số 27, tờ bản đồ số 63, địa chỉ thửa đất tại thôn Ph, xã Ng, huyện T, tỉnh B đã được sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI251858 ngày 06/7/2017. Ngân hàng yêu cầu anh Th trả số tiền gốc lãi, nếu anh Th không trả được nợ thì đề nghị xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Anh Th, chị H, bà H đều nhất trí nếu anh Th không trả được nợ cho ngân hàng thì đồng ý dùng tài sản đã thế chấp để trả nợ cho ngân hàng. Qua lời khai của các đương sự và xem xét, thẩm định tại chỗ xác định thửa đất đã thế chấp không có tài sản gì phát sinh sau khi thế chấp. Hội đồng xét xử thấy: về hình thức và nội dung của hợp đồng thế chấp ngày 14/7/2017 đã được công chứng tại UBND xã Ng và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T theo đúng quy định. Trường hợp vợ chồng anh Th không trả được nợ cho ngân hàng thì tài sản thế chấp nêu trên được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho ngân hàng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của người thế chấp thì xử lý theo Điều 325 Bộ luật dân sự, cụ thể: tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/9/2019, Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ đã tiến hành xem xét, thẩm định các tài sản của gia đình anh Thân Văn Th và chị Dương Thị H gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất thửa số 27, tờ bản đồ số 63, địa chỉ thửa đất tại thôn Ph, xã Ng, huyện T, tỉnh B. Diên tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI251858 do sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 06/7/2017 cho

anh Thân Văn Th là 700m². Thửa đất giáp: Phía Nam và phía Đông: giáp đường bê tông của thôn. Phía Bắc: giáp hộ ông Kh. Phía Tây: giáp hộ ông Ng.

- Tài sản trên đất: 01 nhà cấp bốn 5 gian; 01 nhà ngang; 01 nhà công trình; sân và lối đi ra cổng lát gạch; tường bao xây gạch; 02 trụ cổng; 02 cánh cổng sắt; 01 giếng khoan và toàn bộ cây cối lâm lộc trên diện tích đất. Từ khi thế chấp năm 2017 đến nay các tài sản trên đất vẫn nguyên hiện trạng, không sửa chữa, xây dựng gì thêm.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên anh Th, chị H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do ngân hàng đã tạm ứng chi phí thẩm định tài sản nên anh Th, chị H phải hoàn trả chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngân hàng đã tạm ứng số tiền 1.400.000 đồng.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên anh Th, chị H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ngân hàng được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 3 Điều 144; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 117, Điều 299; Điều 304; Điều 307; Điều 317, Điều 318; Điều 320; Điều 321; Điều 322; Điều 323; Điều 325; Điều 429 Bộ luật dân sự;

Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc anh Thân Văn Th và chị Dương Thị H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện T, tỉnh B tổng số tiền là 385.528.196 đồng. Trong đó 300.000.000 đồng tiền gốc và 85.528.196 đồng tiền lãi. Anh Thân Văn Th và chị Dương Thị H phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 2500LAV201702442 ngày 18/7/2017 kể từ ngày 13/11/2019 cho đến khi trả hết nợ.

2. Trường hợp anh Thân Văn Th, chị Dương Thị H không trả được nợ thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI251858 do sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 06/7/2017 cho anh Thân Văn Th, diện tích 700m² tại thửa số 27, tờ bản đồ số 63,

mục đích sử dụng đất: đất ở nông thôn 360m², đất trồng cây lâu năm thôn 340m², thời hạn sử dụng đến năm 2063, địa chỉ thửa đất tại thôn Ph, xã Ng, huyện T, tỉnh B, được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện T, tỉnh B.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: anh Thân Văn Th và chị Dương Thị H phải hoàn trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện T, tỉnh B số tiền 1.400.000 đồng.

4. Về án phí: anh Thân Văn Th và chị Dương Thị H phải chịu 19.276.409 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện T, tỉnh B 8.878.000 đồng (do bà Phạm Thị Ng nộp) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002427 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh B.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thị O